

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 6 năm 2021

“V/v ly hôn ,tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chi

2. Ông Nguyễn Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Chu Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 464/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Lô 302, đường Nhật Đức, tổ dân phố Chi Ly 2, phường TP, thành phố B, tỉnh B

***Bị đơn:** Anh Nguyễn Phan T, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Lô 302, đường Nhật Đức, tổ dân phố Chi Ly 2, phường TP, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2020, Bản tự khai, Biên bản hòa giải trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Phan T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngô Quyền, thành phố B ngày 20/01/2010, trước khi kết hôn

được tự do tìm hiểu. Anh chị được được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, tình cảm ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng trong quá trình chung sống với nhau lâu thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau, thậm chí anh T còn đánh chị. Nay chị thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Phan T có hai con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 04/5/2012 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 29/9/2013. Ly hôn chị đề nghị được nuôi hai con chung của vợ chồng và đề nghị Tòa án giao nuôi con theo nguyện vọng của con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Trường hợp chị được giao nuôi cả hai con chung thì chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với chị số tiền 2.000.000 đồng/1 con/1 tháng. Trường hợp Tòa án giao mỗi người nuôi một con thì chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bị đơn là anh Nguyễn Phan T trình bày quan điểm như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận về thời gian, thủ tục và điều kiện kết hôn như chị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn trong ứng xử hàng ngày, nhưng chưa đến mức phải ly hôn ảnh hưởng đến con cái. Anh mong muốn chị N rút đơn khởi kiện xin ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung. Trường hợp chị N cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 04/5/2012 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 29/9/2013. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh đề nghị được nuôi cháu L và đồng ý để chị N nuôi dưỡng cháu Y.

- Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Trường hợp mỗi người nuôi một con thì anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao cả hai con chung cho chị N nuôi dưỡng theo đề nghị của chị N thì anh đề nghị giải quyết về mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của con chung chưa thành niên của chị N và anh T là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 04/5/2012 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 29/9/2013, các con đều có nguyện vọng được sống chung cùng với chị N.*

Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 23/6/2012 chị N và anh T nộp đơn đề nghị Tòa án giao cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Y, giao cho anh T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng L, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Phan T.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Phan T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 04/5/2012; Giao cho chị Hoàng Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 29/9/2013.

- Phần cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N thì thấy đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là anh T có địa chỉ cư trú tại thành phố B, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B giải quyết là đúng với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Do các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Phan T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 20/01/2010 đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh B, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn

nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị N xác định vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau. Anh T ban đầu xác định mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, không đồng ý ly hôn, nhưng anh xác định nếu chị N kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ngày 23/6/2021 anh T có đơn nộp cho Tòa án với nội dung đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Hơn nữa, qua quá trình Tòa án làm việc giữa chị N và anh T, thì thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã kéo dài, Tòa án đã tiến hành hòa giải về tình cảm vợ chồng giữa các đương sự nhiều lần nhưng chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh T. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, anh T đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung là Ngụy Hoàng L, sinh ngày 04/5/2012 và Ngụy Hoàng Y, sinh ngày 29/9/2013. Xét nguyện vọng của các con chung đều có mong muốn được ở cùng với chị N. Tuy nhiên, chị N và anh T có đơn đề nghị giao cho anh Ngụy Phan T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Ngụy Hoàng L, giao cho chị Hoàng Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng con chung con chung là Ngụy Hoàng Y, bản thân chị N và anh T đều có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, nên cần chấp nhận giao nuôi con theo yêu cầu của chị N và anh T.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

[3.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N và anh T đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Phan T.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Phan T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 04/5/2012; giao cho chị Hoàng Thị N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 29/9/2013.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001738 ngày 02/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. B;
- CCTHA dân sự TP. B;
- UBND phường Ngô Quyền, TP. B;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Trần Mạnh Thắng